TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2023/DS-PT
Ngày: 02/02/2023
V/v tranh chấp: tranh chấp Hợp đồng góp hụi

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Võ Ngọc Hải.

Các Thẩm phán: Trần Hữu Tính.

Lê Thị Hồng Tâm.

Thư ký Tòa án - ghi biên bản phiên toà: Ông Đoàn Nhã - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Dương Thanh Quang - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 31 tháng 01 và ngày 02 tháng 02 năm 2023, Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử công khai vụ án thụ lý số 373/2022/TLPT-DS ngày 24 tháng 11 năm 2022 về việc tranh chấp *"Hợp đồng góp hụi"*.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 86/2022/DS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 468/2023/QĐ-PT ngày 03 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

** Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Diễm K**, sinh năm 1977;

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Diễm K: Ông **Nguyễn Duy C**, sinh năm 1987 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp M, xã M, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

(Theo văn bản ủy quyền ngày 30 tháng 01 năm 2023)

** Bị đơn:*

1. Bà **Trần Thị Thanh T**, sinh năm 1980 (có mặt);

2. Ông **Lê Văn T1**, sinh năm 1969;

Cùng địa chỉ: Ấp Q, xã N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lê Văn T1: Chị **Nguyễn Thị Mỹ H**, sinh năm 1979 (có mặt);

(Theo văn bản ủy quyền ngày 10 tháng 3 năm 2022)

Địa chỉ: Số A L, Phường F, TP. , tỉnh Tiền Giang.

** Người kháng cáo*: Bị đơn Lê Văn T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm,

* ***Nội dung trình bày và yêu cầu khởi kiện của người đại diện theo ủy quyền nguyên đơn bà Nguyễn Diễm K là anh Nguyễn Thanh H1 trình bày*:**

Do là chỗ quen biết. Chị Trần Thị Thanh T có tham gia chơi 02 dây hụi do bà Nguyễn Diễm K làm chủ hụi:

- Dây hụi thứ nhất: Khui vào ngày 01/02/2019 dương lịch, hụi 5.000.000 đồng, 01 tháng khui 01 lần, gồm 20 phần, chị T tham gia chơi 01 phần. Chị T hốt hụi lần khui thứ hai vào ngày 10/3/2019 dương lịch được số tiền là 74.500.000 đồng, từ khi hốt hụi đến khi mãn hụi chị T không đóng lại hụi chết cho bà K lần nào. Như vậy, đối với dây hụi trên chị T còn nợ lại tổng số tiền 90.000.000 đồng (18 kỳ x 5.000.000 đồng).

- Dây hụi thứ hai: Khui vào ngày 10/02/2019 dương lịch, hụi 2.000.000 đồng, 01 tháng khui 01 lần, gồm 31 phần, chị T tham gia chơi 01 phần. Chị T hốt hụi lần khui thứ hai vào ngày 20/3/2019 dương lịch được số tiền là 47.400.000 đồng, từ khi hốt hụi đến khi mãn hụi chị T không đóng lại hụi chết cho bà K lần nào. Như vậy, đối với dây hụi trên chị T còn nợ lại tổng số tiền 58.000.000đ (29 kỳ x 2.000.000 đồng).

Tổng cộng số tiền nợ hụi của hai dây hụi trên thì chị T còn nợ bà Nguyễn Diễm K số tiền là 148.000.000 đồng.

Khi chơi hụi bà thì chị T nói rằng sử dụng số tiền này cho việc sinh hoạt và kinh doanh của gia đình và lo cho các con ăn học nên anh Lê Văn T1 là chồng của chị T đều biết những việc này. Và anh T1 có hứa sẽ trả nợ phụ với chị T nhưng sau đó số tiền hụi quá lớn nên anh T1 không đồng ý trả với chị T.

Nay bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Buộc anh Lê Văn T1 và chị Trần Thị Thanh T phải liên đới trả số tiền nợ hụi là 148.000.000 đồng. Yêu cầu trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

* ***Nội dung ý kiến trình bày của bị đơn chị Trần Thị Thanh T*:**

Thống nhất toàn bộ với lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Diễm K là anh Nguyễn Thanh H1. Chị Trần Thị Thanh T thừa nhận còn nợ hụi bà K tổng số tiền là 148.000.000 đồng.

Nay chị đồng ý trả nợ cho bà K nhưng do gia đình đang gặp khó khăn nên đang tìm người mua đất để bán thì mới có tiền để trả nợ cho bà K.

Số tiền chơi hụi này chị sử dụng vào việc sinh hoạt và kinh doanh của gia đình và lo cho các con ăn học. Anh T1 có hứa sẽ bán đất để cùng chị trả nợ nhưng sau đó do thấy nợ quá nhiều nên anh T1 không đồng ý bán đất để trả nợ cùng chị.

* ***Nội dung ý kiến trình bày của bị đơn anh Lê Văn T1*:**

Anh Lê Văn T1 cho rằng anh không có tham gia chơi hụi do bà Nguyễn Diễm K làm chủ hụi, cũng không biết gì về sự việc chị Trần Thị Thanh T tham gia chơi hụi của bà Nguyễn Diễm K và cũng không biết bà K là ai. Nay bà K yêu cầu anh cùng liên đới với chị T để trả nợ thì anh không đồng ý.

Bản án dân sự sơ thẩm 86/2022/DS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 166, 463, 466, 468 và Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Điều 27, 33 và Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Diễm K.

Buộc anh Lê Văn T1 và chị Trần Thị Thanh T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Diễm K số tiền nợ hụi là 148.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Nguyễn Diễm K cho đến khi thi hành án xong, anh Lê Văn T1 và chị Trần Thị Thanh T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Ngoài ra bản án có tuyên về nghĩa vụ thi hành án, về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

* Ngày 23 tháng 9 năm 2022 bị đơn ông Lê Văn T1 kháng cáo một phần bản án sơ thẩm số 86/2022/DS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2022, yêu cầu cấp phúc thẩm đánh giá lại toàn bộ các tài liệu chứng cứ và nội dung vụ kiện, tuyên xử theo hướng chỉ buộc một mình chị Trần Thị Thanh T có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Diễm K số tiền hụi là 148.000.000 đồng *(Một trăm bốn mươi tám triệu đồng)*.

* Tại phiên tòa phúc thẩm:

Đại diện ủy quyền của bị đơn bà Nguyễn Thị Mỹ H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Lê Văn T1 theo hướng chỉ buộc bà T trả số tiền hụi là 148.000.000 đồng *(Một trăm bốn mươi tám triệu đồng)*.

Đại diện ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Duy C đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Lê Văn T1. Buộc ông T1 và bà T có nghĩa vụ liên đới trả số tiền hụi 148.000.000 đồng *(Một trăm bốn mươi tám triệu đồng)*.

Bà T cho rằng số tiền hốt hụi là bà để trả nợ chung của hai vợ chồng cho bà Bùi Thị Ngọc D nên bà đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của phía bị đơn.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu quan điểm:

+ Về tố tụng: Kể từ ngày thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Lê Văn T1.

Qua nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến trình bày của đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Đây là quan hệ tranh chấp về "*Hợp đồng vay tài sản"* theo quy định tại khoản 9, 14 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Vì vậy, Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Xét đơn kháng cáo của bị đơn ông Lê Văn T1 là đúng theo quy định tại điều 270 Bộ luật Tố tụng dân sự. Thời hạn kháng cáo đúng theo quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét nội dung ông T1 yêu cầu kháng cáo yêu cầu sửa bản án sơ theo hướng chỉ buộc một mình chị Trần Thị Thanh T có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Diễm K số tiền vốn và lãi là 148.000.000 đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy, số tiền nợ này phát sinh trong thời kỳ hôn nhân, tuy nhiên ông Lê Văn T1 không trực tiếp tham gia chơi hụi với bà Nguyễn Diễm K và chị T không chứng minh được số nợ hụi trên là nợ chung của chị và ông T1.

Theo Biên bản xác minh ngày 03/01/2023, thì bà Võ Thị Ngọc Q là Công chức Tư pháp xã Nhị Quý cho biết: "Căn nhà ông T1 đang ở là loại nhà thô sơ; có kết cấu mái tol, vách cây, nền đất. Trong nhà không có tài sản nào có giá trị. Vườn cây quanh nhà chủ yếu là cây dừa. Theo biên bản xác minh ngày 03/01/2023, thì ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1966 và Nguyễn Văn T2, sinh năm 1975 cho biết: hai người con riêng của ông T1 sống chung với cha mẹ ông T1. Bà T và ông T1 ở riêng, có hai người con chung. Quá trình chung sống thì vợ chồng bà T và ông T1 có nuôi cá (khoảng 3 đến 4 công) đất thuê và nuôi

khoảng 06 con bò. Chi phí mướn đất khoản 3.000.000 đồng (ba triệu đồng)/công/năm; chi phí cắt đìa nuôi cá giống khoảng 10.000.000 đồng/công/năm; chi phí bắt bò giống khoảng 10.000.000 đồng/con. Khoảng năm 2014, 2015, khi làm tuyến tránh Cai Lậy thì ông T1 có được bồi thường số tiền 400.000.000 đồng và đã trả hết nợ. Hai vợ chồng của bà T và ông T1 đã không còn chung sống với nhau hơn 02 năm. Bà T không cung cấp được chứng cứ trả nợ chung. Ông T1 và bà T đều có việc làm độc lập nhau và không có tài sản gì có giá trị lớn chung. Con riêng của ông T1 không chung sống cùng bà T và ông T1.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà T cho rằng số tiền hốt hụi là để trả nợ cho bà Bùi Thị Ngọc D. Tuy nhiên, theo bản án sơ thẩm số 69/2022/DS-ST ngày 30/8/2022 của Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy giữa nguyên đơn Bùi Thị Ngọc D và Lê Văn T1, Trần Thị Thanh T thì bà D có cho bà T mượn tiền tổng cộng 03 lần cụ thể như sau: Ngày 01/01/2021, bà T mượn 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng); ngày 18/02/2021, bà T mượn 640.000.000 đồng (sáu trăm bốn mươi triệu đồng); Ngày 30/12/2021, bà T mượn số tiền là 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng). Trong quá trình mượn tiền bà D thì bà T chưa trả tiền cho bà D lần nào. Vì vậy, việc bà T cho rằng hốt hụi của bà Diễm K để trả nợ bà D là không có căn cứ.

Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Lê Văn T1.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự giữ nguyên bản án sơ thẩm là không phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

[4] Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của ông T1 được chấp nhận nên ông không phải chịu án phí theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Lê Văn T1. Sửa một phần bản án sơ thẩm số 35/2022/DS-ST ngày 05 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

- Căn cứ Điều 166, 463, 466, 468 và Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của ông T1, sửa một phần bản án sơ thẩm số 86/2022/DS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2022.

Buộc chị Trần Thị Thanh T có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Diễm K số tiền nợ hụi là 148.000.000 đồng *(Một trăm bốn mươi tám triệu đồng).*

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của bà Nguyễn Diễm K cho đến khi thi hành án xong, chị Trần Thị Thanh T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí:

Hoàn lại cho bà Nguyễn Diễm K số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.700.000 đồng theo biên lai thu số 0002526 ngày 18/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy.

Chị Trần Thị Thanh T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 7.400.000 đồng.

Hoàn lại cho ông Lê Văn T1 số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu số 0002661 ngày 12/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Cai Lậy.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND thị xã Cai Lậy;
- Chi cục THADS thị xã Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Công bố bản án trên cổng TTĐT;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Ngọc Hải